Tên: …….. **Nghe:** …...

Lớp: S4…

Ngày làm bài: Thứ….., ngày…./….

StarLink

GLOBAL ENGLISH 4

Unit 3: Homes - Vocabulary 1 & KET Listening

❖ **Mẹo: Dự đoán đáp án (Answer Prediction)**

1. Đọc câu hỏi kỹ → gạch chân từ khóa (day, place, time, thing…).

2. Đoán chủ đề cần điền → là người, địa điểm, giờ, đồ vật hay hành động.

3. Nghe cẩn thận → tìm chi tiết trùng với từ khóa, chú ý cách nói đồng nghĩa.

4. Kiểm tra lại → điền xong đọc cả câu, xem có hợp ngữ cảnh & ngữ pháp không.

Ví dụ:

Bước 1: Đọc kỹ câu hỏi

Câu: *"When"* → yêu cầu điền một **thời gian** hoặc **ngày**.

Đây là câu hỏi yêu cầu xác định khi nào sự kiện sẽ diễn ra.

Bước 2: Đoán chủ đề

Đoán: Cần điền một ngày cụ thể hoặc thời gian

Bước 3: Nghe script

Script: *"I'm going to tell you what you need to know for next **Friday's** trip…"*

👉 Nghe được chính xác "Friday".

Bước 4: Kiểm tra lại

Đọc lại câu: "When: Friday" → Ngữ pháp đúng và hoàn toàn hợp lý với câu hỏi.

Kết luận: Câu trả lời chính xác là Friday.

❖ **Pre-listening**

Sort the words/phrases in the box into the correct columns.

~~*Friday*~~	5.50 pounds	8:15	train	cameras
Maths	bus	History	8 pounds	food

Day	Time	Subject	Price	Transport	Things to bring
0. Friday	1. _____	2. _____ 3. _____	4. _____ 5. _____	6. _____ 7. _____	8. _____ 9. _____

❖ **Extra vocabulary**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**Egyptian** (adj)	(thuộc) Ai Cập	3	**full price** (n)	giá gốc (chưa giảm, chưa khuyến mãi)
2	**usual** (adj)	thông thường, thường lệ			

❖ ***Note***: *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.*

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài nghe theo link sau: *https://soundcloud.com/ms-chi-english/a2-key-tk_test-1_part-2*

Part 2

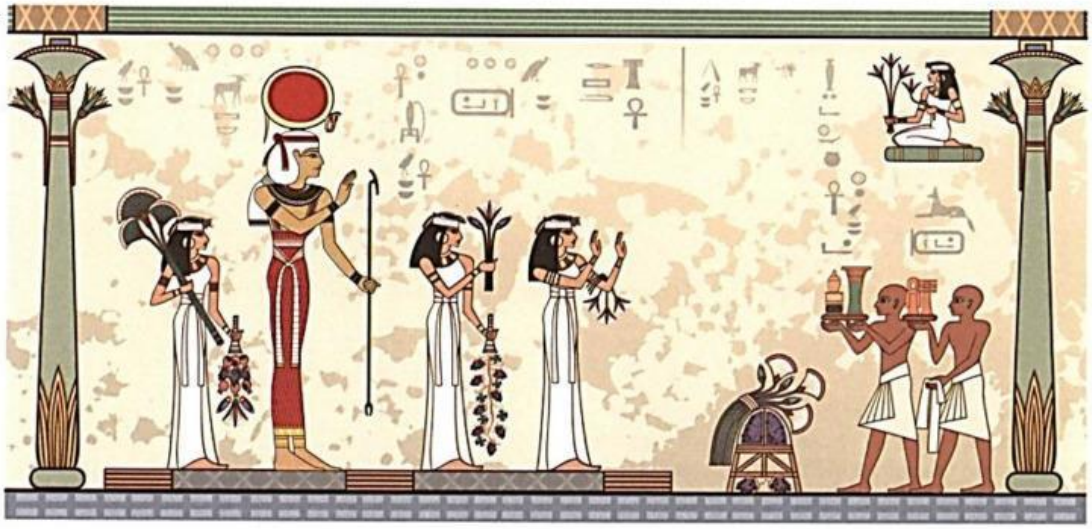
Questions 6 - 10

For each question, write the correct answer in the gap. Write **one word** or **a number** or **a date** or **a time**.

You will hear a teacher telling her students about a museum they are going to visit.

EGYPTIAN MUSEUM

When:	*Friday*
Cost of the ticket (students):	(6) £ _____
Give money to:	(7) _____ teacher
Time to leave school:	(8) _____
Travel by:	(9) _____
Bring:	(10) _____



LIVEWORKSHEETS

Tên: ……..

Lớp: S4…

Ngày giao bài: Thứ….., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ….., ngày…./….

Từ vựng & Ngữ pháp: .....

Nghe: …....

Mini test: …....

StarLink

GLOBAL ENGLISH 4

Unit 3: Homes - Vocabulary 1 & KET Listening

A. VOCABULARY

❖ **Rooms in a house**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**bedroom** (n)	phòng ngủ	4	**dining room** (n)	phòng ăn
2	**bathroom** (n)	phòng tắm	5	**living room** (n)	phòng khách
3	**kitchen** (n)	nhà bếp	6	**roof** (n)	mái nhà

❖ **Types of houses**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**stilt house** (n)	nhà sàn	4	**bungalow** (n)	nhà một tầng
2	**eco-house** (n)	nhà sinh thái	5	**detached house** (n)	nhà biệt lập (không chung vách)
3	**apartment** (n)	căn hộ (trong chung cư)	6	**yurt** (n)	lều tròn (được bao phủ bởi da hoặc nỉ)

❖ **Extra vocabulary**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**energy-efficient** (adj)	tiết kiệm năng lượng	3	**get off** (phr.v)	xuống (xe)
2	**neighbor** (n)	người hàng xóm	4	**book** (v)	đặt (vé, phòng,…)

❖ ***Note***: *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; adj = adjective: tính từ.*

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Joe talks about his morning at home. Read the sentences and fill in the blanks with the correct words from the ROOMS IN A HOUSE topic above.

0. This is the roof.

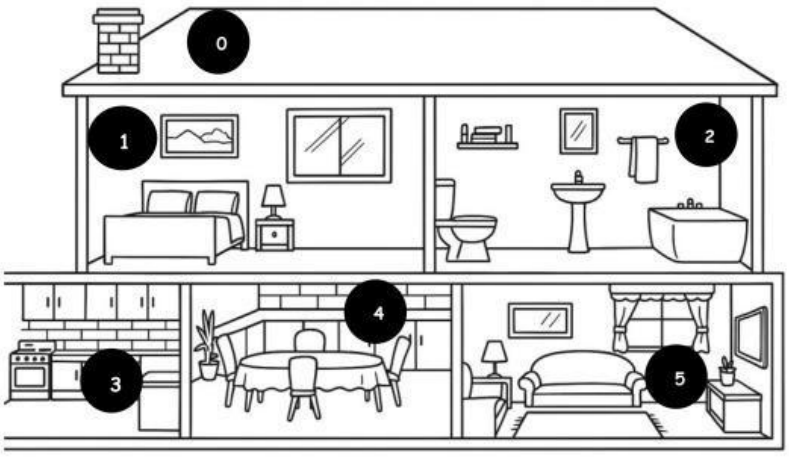
1. In the morning, I wake up in the _____.

2. Then I wash my face in the _____.

3. My mother cooks breakfast in the _____.

4. I eat breakfast in the _____.

5. After that, I watch TV in the _____.



LIVEWORKSHEETS

II. How are these houses different? Match the words with the pictures.

~~0. detached house~~ 1. eco-house 2. stilt house 3. yurt 4. bungalow 5. apartment

a. 	b. 	c. 
d. 	e. 	f. 

Your answer:

0 - a	1 - ___	2 - ___	3 - ___	4 - ___	5 - ___

III. What do the children like about their homes? Read and match to the photos in Exercise II.

Type of houses	Reason
0. a	~~Leo loves it because it has a garden in front and a lot of space.~~
1. ___	Jenna likes it because she doesn't have to walk up and down the stairs.
2. ___	Bella loves it because it is in a tall building. She can see nice views and her neighbors are very close.
3. ___	Tom likes it because it is round. He loves animals and nature.
4. ___	Taylor likes it because it's modern and energy-efficient.
5. ___	Jack loves it because it's a wooden house near the lake. He can go fishing with his parents.

IV. Complete the sentences using the verbs in the box. Change the form to infinitive form or -ing form.

~~travel~~	swim	paint	read	dance	cook

0. She wants to travel to Japan next year.
1. He enjoys _____ comic books in the evening.
2. We hope _____ in the sea this summer.
3. They love _____ at the school party.
4. I am learning _____ Italian food.
5. My brother wants _____ a picture of our house.

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

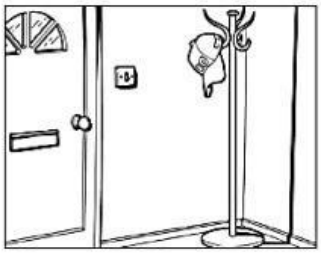
Con làm bài nghe theo link sau: *https://soundcloud.com/ms-chi-english/cambridge-primary-checkpoint_april-2018_part-1*

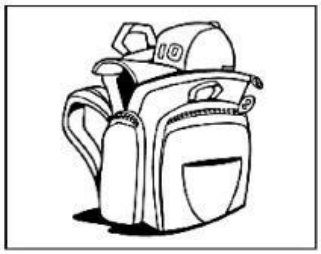
Part 1

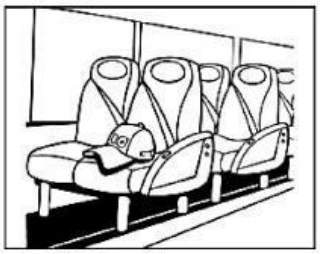
Questions 1 – 5

For each question, there are three pictures and a short recording.
Choose the correct picture and circle the letter **A**, **B** or **C** below it.

Example: Where is the girl's hat?





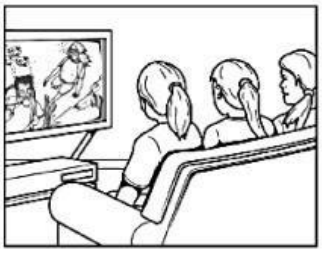


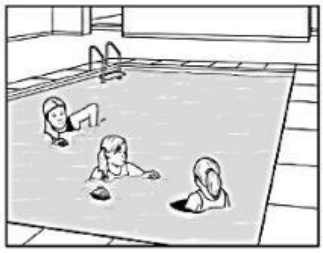
(A) B C

---

1 What is Sally going to do this afternoon?



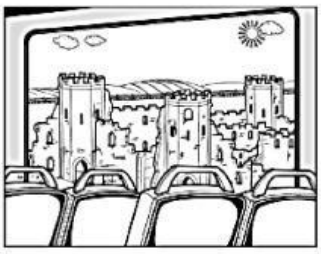


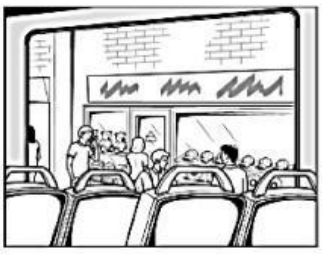


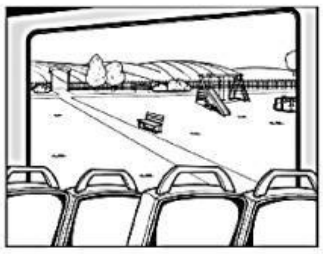
A B C

[1]

2 Which view from the bus did the boy like best?





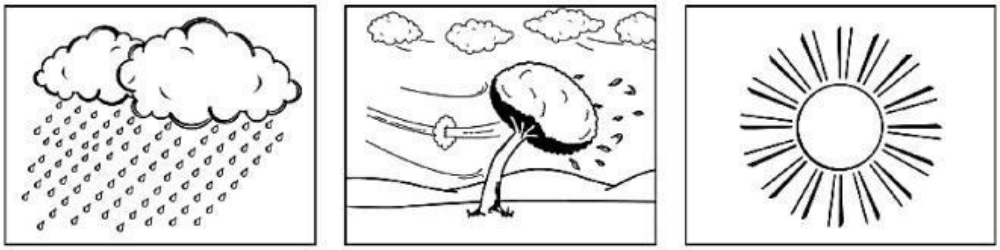


A B C

[1]

LIVEWORKSHEETS

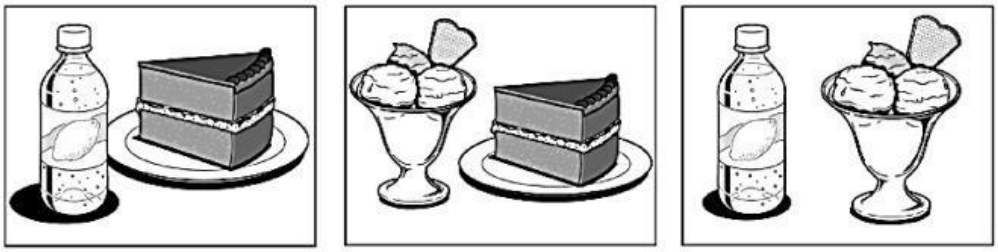
3 What was the weather like last Saturday?



A B C

[1]

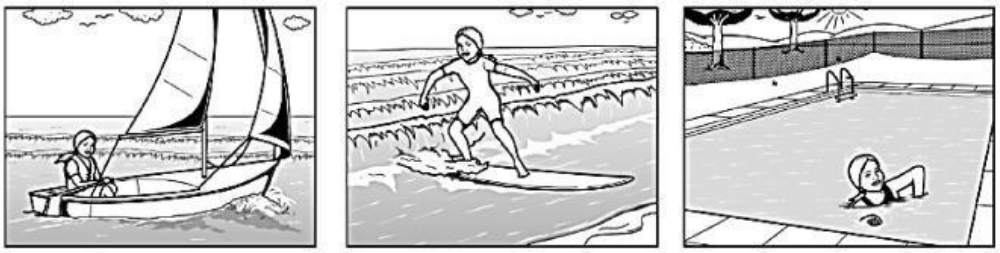
4 What does the girl choose in the café?



A B C

[1]

5 What is the girl doing tomorrow afternoon?



A B C

[1]

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài nghe theo link sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/cambridge-primary-checkpoint_april-2018_part-2

❖ **Pre-listening**

You will hear a girl called Tina talking to her friend Ben about piano lessons.

For each statement, circle True if the statement is correct, or False if it is incorrect.

0. Tina has her piano lessons on Tuesdays.	*True*	*(False)*
1. Tina's piano teacher is younger than her guitar teacher.	True	False
2. Tina finds playing music quickly very difficult.	True	False
3. Tina's piano teacher makes her laugh when she gets bored.	True	False
4. Tina recommends watching video lessons online as the best way to learn piano.	True	False
5. Ben can borrow Tina's brother's old keyboard to practice.	True	False

❖ **Listening**

Part 2

Listen again. For each question, circle the correct answer A, B, or C.

6. **Which day does Tina have her piano lesson?**
   A) Tuesday
   B) Friday

7. **What is the most difficult thing for Tina?**
   A) playing quickly enough
   B) reading the music

8. **Tina tells Ben that her teacher is very**
   A) busy.
   B) funny.

9. **What advice does Tina give Ben about learning the piano?**
   A) Use an easy beginner's book.
   B) Watch lessons on the internet.

10. **How will Tina help Ben?**
    A) by taking him to a piano concert
    B) by lending him an instrument

LIVEWORKSHEETS